

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 253/2005/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

***Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng,
an ninh miền Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010***

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị về
phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung
du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 3287/TTr-UB ngày
16 tháng 8 năm 2005 về việc xin phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo
đảm quốc phòng, an ninh miền Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010; đề nghị của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6914/BKH-KTĐP< ngày 07 tháng 10 năm 2005,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
miền Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2010.

Đưa miền Tây tỉnh Thanh Hóa thoát khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao đời
sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc, đặc biệt là đồng bào dân tộc
vùng sâu, vùng biên giới; đẩy lùi các tệ nạn xã hội, bảo vệ tốt quốc phòng, an ninh
biên giới và đảm bảo môi trường bền vững.

2. Phương hướng phát triển đến năm 2010.

- Tăng tốc độ phát triển kinh tế bền vững trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác tiềm năng lợi thế so sánh của vùng để tạo ra đột phá về sản xuất hàng hoá nông, lâm nghiệp, công nghiệp, mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- Vừa đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, vừa giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống của nhân dân vùng cao, biên giới với vùng núi thấp, giữa miền núi với miền xuôi. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đẩy lùi tệ nạn xã hội.
- Tập trung các nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế, bệnh viện, các công trình văn hoá, thể dục thể thao và hạ tầng đô thị miền núi, trong đó ưu tiên phát triển giao thông, thủy lợi, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.
- Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường hơn nữa công tác củng cố quốc phòng, an ninh, phát huy tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, hợp tác xây dựng tuyến biên giới với nước bạn Lào ổn định và phát triển toàn diện.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010.

a) Về kinh tế:

- Nhịp độ phát triển kinh tế hàng năm tăng từ 15% trở lên, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 9,0%; công nghiệp - xây dựng tăng 26,3%; dịch vụ tăng 15,1%.
- Cơ cấu các ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP năm 2010 là 37,7% - 31,5% - 30,8%.
- Thu nhập bình quân đầu người: 9,3 triệu đồng.
- Lương thực bình quân đầu người: 348 kg/năm (cả tỉnh: 420kg/năm).
- Giá trị hàng hóa xuất khẩu: 50 triệu USD.

b) Về văn hoá - xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1%/năm. Quy mô dân số đến năm 2010 khoảng 1.105.000 người.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 25%.

- 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- 100% số xã có trạm y tế, 60% số trạm y tế có bác sĩ.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn khoảng 28%.
- Hạ tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 23%.
- Tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt 95% dân số và phủ sóng phát thanh đạt 100% dân số.
- 70% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo 25%.

c) Về kết cấu hạ tầng:

- 100% các xã có đường ô tô vào đến trung tâm xã, 90% đường giao thông nông thôn đi lại được quanh năm.
- 100% kênh mương nội đồng và kênh liên huyện, liên xã được kiên cố hóa.
- 100% số xã có điện, 90% số hộ được dùng điện.
- 100% số xã có điện thoại, đạt tỷ lệ 5,6 máy điện thoại/100 dân.
- Xóa phòng học tranh tre tạm bợ, 80% số phòng học được kiên cố hoá.
- 80% dân số được dùng nước hợp vệ sinh.

4. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực.

a) Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Giao thông:

Tập trung các nguồn lực để phát triển các tuyến giao thông kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng:

- + Nâng cấp các quốc lộ 45, 47, 217 với tổng chiều dài là 192 km.
- + Xây dựng tuyến đường nối các huyện miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa: tuyến chính dài 183 km đi qua các huyện Quan Hoá, Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân và 8 tuyến đường ngang dài 227 km, gồm:
 - . Mường Lát - Chiềng Nưa,
 - . Vạn Mai - Tà Bục,
 - . Tén Tàn - Cửa khẩu Cang,
 - . Lang Chánh - Yên Khương,

. Yên Khương - Cửa khẩu Móng,

. Thường Xuân - Bát Mọt,

. Bát Mọt - Cửa khẩu Khèo,

. Yên Cát - Thanh Quân - Bù Cầm.

+ Đầu tư nâng cấp quốc lộ 15A đoạn Ngọc Lặc - Vạn Mai (86 km) để phát triển giao lưu kinh tế với các tỉnh Tây Bắc và nối với cảng nước sâu Nghi Sơn.

+ Xây dựng tuyến hành lang giao thông Đông Tây: Thanh Hóa - Hòa Phấn - Miền Điện (đi qua cửa khẩu Tén Tàn, huyện Mường Lát).

+ Nâng cấp, hoàn chỉnh các tuyến tỉnh lộ đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp V, cấp VI, đoạn qua các thị trấn, thị tứ mở rộng theo quy hoạch; nâng cấp 8 tuyến tỉnh lộ dài 520 km.

+ Đầu tư xây dựng các tuyến đường vào 14 xã chưa có đường ô tô, tổng chiều dài 306 km. Đảm bảo 100% đường giao thông nông thôn có mặt đường từ rải cấp phối đá trở lên, 90% đi lại được quanh năm.

+ Đầu tư xây dựng đường hành lang biên giới, tuần tra biên giới kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội dài khoảng 650 km trên địa bàn 5 huyện có đường biên giới là Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Lang Chánh.

+ Từng bước đầu tư hệ thống bến xe thuộc các huyện miền núi.

- Thủy lợi:

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình thủy lợi - thủy điện hồ Cửa Đạt (bao gồm cả hệ thống kênh tưới).

+ Đầu tư mới và nâng cấp một số công trình thủy lợi trọng điểm như:

. Đầu tư cải tạo, nâng cấp 600 hồ, đập cung cấp nước tưới cho các vùng khó khăn.

. Hệ thống tưới 3 huyện Quan Sơn, Quan Hoá và Bá Thước.

. Công trình phân lũ, chậm lũ và sống chung với lũ vùng sông Bưởi huyện Thạch Thành.

. Công trình đầu mối hồ sông Mực.

. Đầu tư các công trình thủy lợi tưới mía huyện Thạch Thành, Như Thanh.

+ Kiên cố 605 km kênh mương nội đồng và kênh liên huyện, liên xã.

- Cấp nước sạch, cấp điện và viễn thông:

+ Đầu tư 8 hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 8 thị trấn huyện lỵ và 590 công trình cấp nước sạch cho các bản làng. Phần đầu đến năm 2010 có 80% dân cư trong vùng được sử dụng nước hợp vệ sinh.

+ Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển lưới điện trên địa bàn miền núi, nâng công suất các trạm biến thế; phát triển lưới điện 35KV, 22KV sau trạm 110 KV đến các xã có điều kiện; đẩy nhanh đầu tư lưới điện theo phương châm "đường đến đâu, lưới điện quốc gia đến đó". Phần đầu đến năm 2010 có 100% số xã có điện phục vụ đời sống và sản xuất.

+ Xây dựng xong nhà máy thủy điện bản Uôn (huyện Quan Hóa), sông Lò (huyện Quan Sơn), thủy điện sông Chàng (Nhuận Xuân) và các dự án thủy điện vừa và nhỏ khác.

+ Đầu tư tuyến cáp quang lên huyện vùng cao Mường Lát, phủ sóng điện thoại di động ở tất cả các thị trấn huyện lỵ, các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, các khu, cụm công nghiệp - thương mại, dịch vụ.

- Phát triển hệ thống đô thị và các khu công nghiệp:

+ Xây dựng đô thị Ngọc Lặc để sớm trở thành Trung tâm của miền Tây Thanh Hóa đồng thời là cửa ngõ giao lưu kinh tế với các tỉnh bạn (thông qua đường Hồ Chí Minh). Đầu tư hệ thống giao thông và hệ thống thoát nước khu vực trung tâm đô thị Ngọc Lặc.

+ Đến năm 2010 hình thành thêm 01 đô thị trung tâm của khu vực miền núi cao tại Đồng Tâm (Bá Thước) và phát triển thêm một số đô thị mới dọc đường Hồ Chí Minh như:

. Đô thị Bãi Trành (Nhuận Xuân) là đô thị đầu mối giao lưu kinh tế nối cảng Nghi Sơn với vùng Tây Bắc và tiểu vùng sông Mê Kông.

. Đô thị Thạch Quảng (Thạch Thành) là đô thị công nghiệp - du lịch.

+ Phát triển thêm một số thị trấn như: Vân Du (Thạch Thành); Cẩm Thành (Cẩm Thủy); Tén Tàn (Mường Lát); Na Mèo (Quan Sơn); Hiền Kiệt (Quan Hóa); Phố Đoàn, Điền Lư (Bá Thước); Yên Khương (Lang Chánh); Phố Châu (Ngọc Lặc); Khe Hạ,